TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN-TP.HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HS-ST
Ngày 24/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN-TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Dương Văn Xuyên

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Ông Tạ Quốc Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn L sinh năm 1987 tại Hà Nội. Nơi ĐKHKTT: Khối 4, Ph L, Sóc Sơn, Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Tổ a, Thị trấn Ch Đ, huyện Mê Linh, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá : Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Lê Thị S; có vợ là: Nguyễn Thị Th và 01 con sinh năm 2020; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 134/2016/HSST ngày 05/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt: 07 tháng tù, về tội " Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án; tiền sự: không; nhân thân: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại:*

-Ông Nguyễn Trọng L1, sinh năm 1963, vắng mặt
Nơi cư trú: Khối a, Ph L, Sóc Sơn, Hà Nội.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

-Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1960, vắng mặt
Nơi cư trú: B H, Q T, Sóc Sơn, Hà Nội.

-Ông Nguyễn Phương Th, sinh năm 1969, vắng mặt
Nơi cư trú: Khối a, Ph L, Sóc Sơn, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/02/2018, ông Nguyễn Trọng L1 có thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E BKS 29A-304.94 của ông Trần Văn Đ để tự lái. Hai bên làm hợp đồng thuê xe từ ngày 02/02/2018 đến ngày 02/5/2018, với giá 9.000.000đ/tháng. Sau khi thuê được xe ô tô, ông L1 mang xe về nhà.

Do nợ nần nhiều không có khả năng trả nợ nên Lê Văn L đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô của ông L1 để mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Để thực hiện hành vi phạm tội của mình, chiều ngày 02/02/2018 L đến nhà ông L1 hỏi thuê xe ô tô để chở khách và thỏa thuận miệng với ông L1 giá thuê xe 18.000.000đ/tháng. Do có mối quan hệ là cậu cháu nên ông L1 đồng ý cho L thuê chiếc xe ô tô Toyota Vios E BKS 29A-304.94 ông L1 vừa mới thuê của ông Trần Văn Đ vào buổi sáng, ông L1 đã giao xe cùng toàn bộ giấy tờ xe cho L. Sau khi nhận được xe, L mang xe đi cầm cố trên địa bàn huyện Sóc Sơn nhưng không được. Sau đó, L mang xe đến bán cho anh Nguyễn Hữu H với giá 150.000.000đ. Đến ngày 26/5/2018 anh Nguyễn Hữu H đã cầm cố chiếc xe ô tô cho ông Nguyễn Phương Th để lấy số tiền 200.000.000đ. Ngày 13/11/2018, ông Th mang xe ô tô đến nhà anh Nguyễn Trọng Hiệp để sửa thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sóc Sơn phát hiện, thu giữ.

Số tiền bán xe, L sử dụng trả nợ , tiêu xài cá nhân hết và sau đó bỏ trốn sang địa phận huyện Mê Linh, Hà Nội. Đến ngày 23/12/2022, L mới đến Cơ quan Công an huyện Sóc Sơn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 19/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Sóc Sơn kết luận:

01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E (VIOSNCP93LBEMRKU) màu bạc, số sàn do Việt Nam sản xuất năm 2011 BKS 29A-304.94, số khung RL4BT9232B9514802, số máy 1NZY340640 mua mới tháng 7/2011, đăng ký lần đầu ngày 25/7/2011, còn 50% giá trị so với mới có giá là: 252.000.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã tóm tắt trên, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Người bị hại là ông Nguyễn Trọng L1 trình bày tại BL 72-77D: Chiều ngày 02/02/2018, Lê Văn L đến nhà ông hỏi thuê xe ô tô để chở khách, L thỏa thuận trả cho ông 9.000.000đ/tháng. Do L có quan hệ họ hàng trong gia đình nên ông đã đồng ý cho L thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E BKS 29A-304.94 (Chiếc xe này ông vừa thuê của ông Trần Văn Đ để về làm dịch vụ kinh doanh chở khách). Đồng thời ông cũng giao luôn toàn bộ giấy tờ xe cho L. Tuy nhiên sau khi thuê xe, L đã mang xe của ông đi cắm lấy tiền tiêu xài. Ông đã yêu cầu L mang xe về trả cho ông nhưng L không trả và bỏ trốn khỏi địa phương. Do vậy, ngày 08/10/2018 ông đã làm đơn trình báo cơ quan Công an huyện Sóc Sơn. Đến ngày 10/12/2018, cơ quan Công an huyện Sóc Sơn đã trao trả chiếc xe ô tô trên cho ông và ông đã trả lại cho ông Trần Văn Đ là chủ sở hữu. Nay ông không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự và ông đề nghị Tòa án xem xét miễn giảm trách nhiệm hình sự cho L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Đ trình bày tại BL 85-92: Ngày 02/02/2018 ông có cho ông Nguyễn Trọng L1 thuê chiếc xe ô tô Toyota Vios E BKS 29A-304.94 với giá 9.000.000đ/tháng (xe này ông mua mới vào tháng 7/2011 với giá 600.000.000đ). Đến tháng 7/2018 ông L1 thông báo cho ông biết chiếc xe ô tô của ông đã bị Lê Văn L là cháu ông L1 mang đi cầm cố. Ngày 10/12/2018, cơ quan Công an huyện Sóc Sơn đã tìm lại được xe và trao trả cho ông. Nay ông không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phương Th trình bày tại BL 114-117: Ngày 25/6/2018, anh Nguyễn Hữu H đến nhà ông hỏi vay số tiền 200.000.000đ và anh H có để lại 01 xe ô tô Toyota Vios E BKS 29A-304.94 cùng toàn bộ giấy tờ xe. Khi để lại xe, anh H nói xe ô tô là của anh H mua nhưng chưa làm thủ tục sang tên và anh H hẹn đến ngày 25/7/2018 đến trả tiền, lấy xe. Tuy nhiên sau đó, ông không thấy anh H đến lấy xe. Ngày 13/11/2018, ông

mang xe đến gửi nhà anh Nguyễn Trọng Hiệp để sửa thì bị cơ quan Công an huyện Sóc Sơn kiểm tra thu giữ và lúc này ông mới được biết chiếc xe ô tô trên là tang vật của vụ án. Do hiện anh Nguyễn Hữu H đã chết nên gia đình bị cáo L đã tự nguyện bồi thường cho ông số tiền 150.000.000đ. Do vậy ông không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự và ông đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 14/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo, về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174 ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn L mức án từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 02/02/2018, tại Khối 5, xã Ph L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Lê Văn L đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Trọng L1 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E BKS 29A-304.94 có trị giá 252.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung " *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do đó, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Bộ luật hình sự đã quy định.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho người bị hại; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xem xét miễn giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xem xét về nhân thân của bị cáo, bản thân bị cáo có 01 tiền án: Ngày 05/9/2016 Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử phạt 07 tháng tù, về tội " Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án. Bản án này đến ngày 05/11/2017 bị cáo mới chấp hành xong thời gian thử thách, bản án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, căn cứ vào tính chất vụ án cũng như nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra người bị hại và

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt, không ai có ý kiến gì về việc bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định *" Người phạm tội còn có Th bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ...."*. Xét điều kiện bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử miễn không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Xử phạt: Lê Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm cho Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo được quyền kháng cáo. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Xuyên ***Nguyễn Thị Hồng*** ***Nguyễn Thị Thu Hằng***